

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI




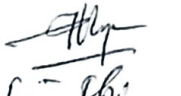
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023


















Môn học: **Giáo dục Chính trị (223008) - Nhóm 08**
Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2** Tổ: **001**
Ngày thi: **10/01/2023** Giờ: **14:45**
Phòng thi: **A501**

Mã nhận dạng: 002038

Trang : 1/2

Số SV có mặt: ...36...
Số bài thi:36...
Số tờ giấy thi: ...40...

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Ngọc Tâm	Cán bộ coi thi 2  MTT Huệ	G.Viên chấm thi 1  Đinh Thị Thanh	G.Viên chấm thi 2  Trần Thị Huyền
--	--	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ MÃ ĐỀ	Chữ ký	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122120103	CAO THỊ LAN ANH	23/09/2004	CCQ2212C		1		6.4	7.0	6.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122120080	NGUYỄN THỊ BẢO CHÂU	10/01/2004	CCQ2212C		2		8.0	8.5	8.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122120098	PHẠM THỊ MỸ CHUNG	31/07/2004	CCQ2212C		2		7.9	7.5	7.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122120100	PHẠM THANH DÂN	01/01/2003	CCQ2212C		2		8.0	6.8	7.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122120076	TRẦN THỊ MỸ HẠNH	20/01/2004	CCQ2212C				0.0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122120096	DƯƠNG THÚY HẰNG	21/10/2004	CCQ2212C		1		6.3	5.0	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122120097	PHẠM THỊ THANH HẰNG	07/10/2004	CCQ2212C				0.0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122120075	LÊ THỊ MINH HÒA	05/02/2004	CCQ2212C		1		6.4	5.0	5.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122120083	LÊ VĂN HÙNG	07/11/2000	CCQ2212C		2		7.5	5.0	6.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122120079	VÕ TUẤN HUY	24/02/2004	CCQ2212C		1		6.8	6.5	6.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122120101	TRẦN ĐOÀN TRÚC LY	06/12/2004	CCQ2212C		1		7.5	7.0	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122120085	TRẦN LÂM KHÁNH LY	05/12/2004	CCQ2212C		1		6.8	5.5	6.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122120110	TRƯƠNG MỸ ÚT LY	28/06/2004	CCQ2212D		2		6.7	5.5	6.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122120113	TRẦN THỊ MAI	05/08/2004	CCQ2212D				0.0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122120094	PHẠM THỊ TRÀ MY	30/04/2004	CCQ2212C		2		8.0	3.5	5.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122120093	NGÔ MINH NGUYỄN	01/01/2004	CCQ2212C		1		7.8	6.0	6.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122120108	NGUYỄN BẢO HẠNH NHÂN	03/01/2002	CCQ2212D		1		5.8	5.0	5.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122120112	PHAN NGỌC THÀNH NHÂN	25/03/2004	CCQ2212D		1		7.1	4.0	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122120077	HOÀNG Ý NHI	26/10/2004	CCQ2212C		2		6.6	8.5	7.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122120073	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	10/10/2004	CCQ2212C		1		6.0	5.5	5.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002038

Trang : 2/2

Môn học: **Giáo dục Chính trị (223008) - Nhóm 08**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **10/01/2023**





Giờ: **14:45**

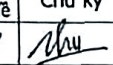
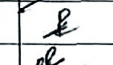
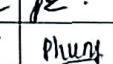
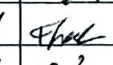
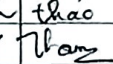
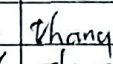
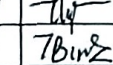
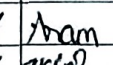
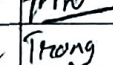
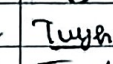
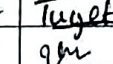
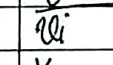

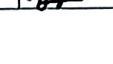



Phòng thi: **A501**

Số SV có mặt: **36**

Số bài thi: **36**

Số tờ giấy thi: **48**

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
Nguyễn Ngọc Trung	Nguyễn Thị Huệ	Trần Thị Thanh	Trần Thị Huệ

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122120086	PHẠM QUỲNH NHƯ	13/09/2004	CCQ2212C		1		7.8	7.5	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122120087	PHAN THỊ MỸ PHƯƠNG	09/01/2004	CCQ2212C		1		5.5	5.5	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122120084	TRƯƠNG THỰC PHƯƠNG	19/05/2004	CCQ2212C		2		6.8	7.0	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122120072	TRẦN THỊ HỒNG PHƯƠNG	30/08/2004	CCQ2212C		1		6.6	5.0	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122120081	TRẦN THANH THANH	29/11/2004	CCQ2212C		1		7.8	5.5	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122120106	HỒ THỊ THANH THẢO	17/02/2004	CCQ2212D		2		7.8	5.5	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122120115	PHẠM QUỲNH THẨM	12/07/2004	CCQ2212D		1		6.3	5.0	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122120092	DƯƠNG VĂN THẮNG	08/08/2003	CCQ2212C		2		6.6	7.5	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2122120107	NGUYỄN THÀNH THẮNG	24/09/2002	CCQ2212D		1		8.1	7.0	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122120082	BÌNH TỬ THIÊN	06/02/2004	CCQ2212C		1		6.7	5.5	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122120089	TRƯƠNG BẢO TRÂM	14/04/2004	CCQ2212C		1		5.8	7.0	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122120109	CAO NGỌC PHƯƠNG TRINH	23/08/2004	CCQ2212D		1		8.5	8.5	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2122120111	DƯƠNG ĐẶNG TRỌNG	22/06/2004	CCQ2212D		2		6.5	5.5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2122120088	TỔNG THỊ NHƯ TUYỀN	27/02/2004	CCQ2212C		2		8.0	5.5	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2122120105	NGUYỄN THỊ TUYẾT	17/12/2003	CCQ2212C		2		6.8	8.0	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2122120090	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	18/10/2004	CCQ2212C		1		7.8	5.5	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2122120104	NGUYỄN TƯỜNG VI	14/09/2004	CCQ2212C		1		6.4	6.5	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2122120095	NGUYỄN TRANG THẢO VY	04/02/2004	CCQ2212C		1		6.8	3.5	4.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2122120091	VŨ NGỌC YẾN	15/10/2004	CCQ2212C		1		7.7	5.5	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002039

Trang : 1/2

Môn học: **Giáo dục Chính trị (223008) - Nhóm 08**
Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2** Tổ: **002**
Ngày thi: **10/01/2023** Giờ: **14:45**
Phòng thi: **A502**

Số SV có mặt: ⁹⁹ 99
Số bài thi: ⁸² 82
Số tờ giấy thi: ^{3.6} 3.6

Cán bộ coi thi 1 <i>ƯT</i> T. Danh Vạt	Cán bộ coi thi 2 <i>Đ</i> P. Huỳnh Đức	G.Viên chấm thi 1 <i>Vinh</i> Trình Thị Thanh	G.Viên chấm thi 2 <i>Huy</i> Hân Thị Huy
--	--	---	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122120483	NGUYỄN THỊ HOÀI ANH	02/02/2004	CCQ2212D		1	<i>Hoài</i>	7.5	8.5	8.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	2121170573	BÙI QUỐC BẢO	25/12/2003	CCQ2117Q				0.0			(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	2122120118	TRẦN ĐỨC QUỐC THANH BÌNH	20/12/2004	CCQ2212D		1	<i>Quốc</i>	7.4	5.0	6.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	2122120138	TRỊNH CÔNG CƯỜNG	29/04/2001	CCQ2212D		1	<i> Cường</i>	7.0	3.0	4.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	2122120484	NGUYỄN ĐỨC DUY	20/02/2004	CCQ2212D		1	<i>Duy</i>	6.5	4.5	5.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	2122120127	ĐỖ MINH HẬU	20/09/2004	CCQ2212D		1	<i>Hậu</i>	6.5	2.5	4.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	2122120135	LÊ MINH HẬU	02/04/2004	CCQ2212D		1	<i>Hậu</i>	6.6	4.8	5.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	2122120136	TRƯƠNG THỊ NGỌC HIẾU	28/10/2004	CCQ2212D		1	<i>Hieu</i>	6.4	4.5	5.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	2122120117	NGUYỄN QUỐC HUY	29/07/2004	CCQ2212D		1	<i>Huy</i>	6.8	6.0	6.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	2122120123	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	25/04/2004	CCQ2212D		1	<i>Huyen</i>	7.1	4.0	5.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	2122120121	HỒ THỊ DIỄM HƯƠNG	21/07/2004	CCQ2212D		1	<i>Huong</i>	6.7	2.0	3.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	2122130081	NGUYỄN NGỌC KHOA KHAI	09/03/2004	CCQ2212D		1	<i>Khai</i>	7.4	2.5	4.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	2121240144	TRẦN MINH KHÔI	23/05/2003	CCQ2124E		1	<i>Khôi</i>	7.5	5.5	6.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	2120270222	NGUYỄN VĂN KIẾT	20/07/2002	CCQ2027G				6.0			(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	2122120126	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	08/11/2004	CCQ2212D		1	<i>Lan</i>	6.9	7.5	7.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	2122120120	NGUYỄN THỊ QUỲNH NGÂN	24/12/2003	CCQ2212D		1	<i>Ngan</i>	6.6	6.0	6.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	2122120119	PHẠM MINH NGUYỄN	10/07/2004	CCQ2212D		1	<i>Pham</i>	6.7	5.0	5.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	2122120139	TRẦN HOÀNG NHƯ	28/03/2004	CCQ2212D		1	<i>Nhu</i>	7.8	6.0	6.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	2122120130	DƯƠNG THÁI PHONG	06/10/2004	CCQ2212D		1	<i>Phong</i>	6.4	5.5	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	2122120482	ĐẶNG HOÀNG PHÚC	03/06/2003	CCQ2212C		1	<i>Phuc</i>	6.6	5.5	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002039

Trang : 2/2

Môn học: Giáo dục Chính trị (223008) - Nhóm 08

Đợt thi: HK1, ĐỢT 2

Tổ: 002

Ngày thi: 10/01/2023

Giờ: 14:45

Phòng thi: A502

Số SV có mặt: 32
Số bài thi: 32
Số tờ giấy thi: 24

Cán bộ coi thi 1 <i>Ư</i> P. Danh Vũ	Cán bộ coi thi 2 <i>Đ</i> P. Thi Phước	G.Viên chấm thi 1 <i>Vinh</i> Trình Thị Vinh	G.Viên chấm thi 2 <i>Huy</i> Trần Chí Huy
--	--	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122120074	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	22/10/2004	CCQ2212C		1	Phuong	6.5	4.0	5.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120120725	ĐƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO	18/05/2002	CCQ2012R				0.0			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122120132	CAO THỊ HỒNG	03/11/2004	CCQ2212D				6.6			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120170344	THÁI VĂN	25/02/2002	CCQ2003F		1	Thai	6.6	6.0	6.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122120481	VÕ THỊ KIM	19/11/2003	CCQ2212C		1	Kim	8.4	5.0	6.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120110351	PHAN QUANG	26/09/2002	CCQ2011E		2	Quang	7.1	5.5	6.1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122120128	LÊ THỊ	12/11/2003	CCQ2212D		1	Thi	8.5	7.0	7.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122120129	NGUYỄN NGỌC	13/06/2004	CCQ2212D		1	Ngoc	6.4	7.5	7.1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2122120116	PHẠM VÕ MINH	27/12/2004	CCQ2212D		1	Minh	7.6	4.0	5.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121240125	ĐINH MINH TIẾN	20/07/1998	CCQ2124E				0.0			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2119120235	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	01/06/2001	CCQ1912G				6.3			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122120133	LÊ THỊ THÙY	14/08/2003	CCQ2212D		1	Thuy	7.8	7.5	7.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2122120002	VÕ THỊ KIỀU	16/11/2003	CCQ2212D		2	Kieu	8.5	8.0	8.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2122120122	NGUYỄN VÕ KHÁ	19/11/2004	CCQ2212D		1	Khá	6.9	7.0	7.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2121240166	NGUYỄN THANH	09/12/2003	CCQ2124F		1	Thanh	8.0	6.0	6.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2122120131	ĐỖ THỊ THẢO	06/05/2004	CCQ2212D		1	Thao	7.1	6.0	6.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2122120134	LÊ PHAN DIỄM	01/12/2003	CCQ2212D		1	Diem	7.7	7.5	7.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2122120125	TRẦN HOÀNG NHƯ	27/09/2004	CCQ2212D		1	Nhu	6.1	6.5	6.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi